

KẾ HOẠCH

Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 – 2022

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022, cụ thể như sau:

A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Tuyên truyền những chủ trương tuyển sinh đầu cấp của thành phố và huyện đến từng hộ dân trên địa bàn; đảm bảo đủ chỗ học cho con em Nhân dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân; ưu tiên cho học sinh diện thường trú; **riêng đối với các trường hợp diện tạm trú có sổ và lưu trú, phải đảm bảo có đăng ký tạm trú, lưu trú trên địa bàn phân tuyến trước ngày 01 tháng 01 năm 2020.**

2. Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp khả năng của bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của thành phố.

3. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi bậc học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo nghiêm túc, công bằng, công khai, khách quan, ổn định. Tạo điều kiện di chuyển thuận tiện cho học sinh và phụ huynh trong việc đưa rước con em.

4. Đảm bảo 100% học sinh lớp 1, lớp 2 và khuyến khích học sinh lớp 6 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời, xây dựng kế hoạch những năm tiếp theo cho các lớp còn lại được học 2 buổi/ngày.

5. Tiếp tục duy trì các lớp tăng cường tiếng Anh, mở rộng các lớp “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”. Khuyến khích các trường mở thêm số lớp học Tiếng Anh theo “Đề án phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020”. Chú trọng triển

khai Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”.

6. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

B. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ đến trường mầm non

Dân số độ tuổi sinh năm 2016 (05 tuổi): **7.209** trẻ (số học sinh vào Mẫu giáo 5 tuổi năm học 2020 – 2021: **7.161** trẻ).

(Chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể các lớp từ nhóm trẻ, lớp mầm, chồi và lá theo phụ lục 1 đính kèm).

2. Tuyển sinh vào lớp 1:

Tổng số trẻ 06 tuổi (sinh năm 2015): **9.211** trẻ (số học sinh vào lớp 1 năm học 2020 – 2021: **9.649** trẻ).

(Chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục 2, bảng phân tuyển học sinh vào các trường tiểu học theo phụ lục 4 đính kèm).

3. Tuyển sinh vào lớp 6:

Số học sinh hoàn thành Chương trình bậc tiểu học vào học lớp 6: **7.135** học sinh (số học sinh lớp 6 năm học 2020 – 2021: **8.861** học sinh).

(Chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục 5, bảng phân tuyển học sinh vào các trường THCS theo phụ lục 9 đính kèm).

C. PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH

I. HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP MẦM NON 05 TUỔI VÀ CÁC LỚP KHÁC

1. Yêu cầu và nguyên tắc

- Huy động 100% trẻ 05 tuổi (sinh năm 2016) trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn vào các trường mẫu giáo, mầm non theo đúng tuyển do Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh của huyện quy định, có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho các học sinh nhà trẻ và mẫu giáo 03 tuổi, 04 tuổi; nâng dần tỉ lệ huy động trẻ đến trường.

- Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập nhận trẻ 05 tuổi phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự (giáo viên); thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

- Tổ chức nhận trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi theo đúng lộ trình quy định.

- Các trường mẫu giáo, mầm non (công lập, tư thục), nhóm lớp độc lập phải công bố chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể của cơ sở (*phụ lục 1*).

Căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh và điều kiện của đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian nghỉ hè.

2. Thời gian phát, nhận hồ sơ, công bố kết quả

+ Từ ngày 14/6 đến ngày 15/7/2021: các trường phát và nhận hồ sơ nhập học.

+ Ngày 19/7/2021: các trường công bố kết quả.

3. Thành phần hồ sơ

- Đơn xin nhập học, giấy chứng nhận sức khỏe, bảng điều tra tâm lý trẻ (theo mẫu của trường);

- Bản sao giấy khai sinh (sao y bản chính);

- Bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ).

4. Tuyển sinh lớp mầm trường mầm non Bông Sen - trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 04 lớp (mỗi lớp không quá 30 học sinh).

b) Điều kiện: việc tuyển sinh **trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế** dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

c) Thời gian tuyển sinh

+ Từ ngày 14/6 đến ngày 15/7/2021: trường nhận hồ sơ đăng ký nhập học.

+ Ngày 20/7/2021: trường công bố kết quả tuyển sinh.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1

1. Yêu cầu và nguyên tắc

- Huy động 100% trẻ 06 tuổi trong diện đi học (sinh năm 2015) đang cư trú trên địa bàn huyện vào học lớp 1 theo tuyển do Ban Chỉ đạo Công tác tuyển sinh của huyện quy định (*phụ lục 2*).

- Không nhận học sinh học sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài huyện. Đối với những trường hợp lưu trú sau khi ban hành kế hoạch tuyển sinh, giao Phòng Giáo dục và Đào tạo căn cứ chỉ tiêu phân bổ, điều chuyển phù hợp, đảm bảo học sinh có đủ chỗ học.

- Phân đầu 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ưu tiên đảm bảo đủ chỗ học và sĩ số học sinh/lớp trước khi thực hiện lớp 2 buổi ngày.

- Đẩy mạnh tổ chức học tiếng Anh ngay từ lớp 1 theo Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 - 2025. Tổ chức làm quen tiếng

Anh cho học sinh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Các trường không được khảo sát trẻ để xếp lớp.

2. Số liệu tuyển sinh: chỉ tiêu cụ thể và phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú (*phụ lục 4*).

3. Thời gian tuyển sinh (phát, nhận hồ sơ, công bố kết quả)

- **Từ ngày 14/6 đến ngày 30/6/2021:** Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn, các trường tiểu học và giáo viên chuyên trách phổ cập lập danh sách theo phân tuyến, Hiệu trưởng các trường tiểu học trên địa bàn căn cứ theo danh sách này phát Giấy gọi nhập học (theo mẫu thống nhất).

- **Từ ngày 01/7 đến ngày 30/7/2021:** các trường nhận hồ sơ nhập học.

- **Ngày 02/8/2021:** công bố kết quả, kết thúc tuyển sinh.

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn xin nhập học (theo mẫu của trường), bản chính giấy gọi nhập học;

+ Bản sao giấy khai sinh (sao y bản chính), bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ).

4. Đối với lớp 1 tăng cường tiếng Anh

Tổ chức tăng cường tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố¹.

Việc tuyển sinh tăng cường tiếng Anh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện. Điều kiện về trình độ: học sinh tham gia chương trình tiếng Anh tăng cường lớp 1 không khảo sát đầu vào (*phụ lục 3a*).

5. Đối với lớp 1 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

Tiếp tục thực hiện tại 02 trường tiểu học (Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thị Nuôi)² theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 4409/GDĐT-TrH ngày 16/12/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”.

Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

Điều kiện về trình độ: học sinh tham gia chương trình tích hợp lớp 1 không khảo sát đầu vào. Học sinh theo học chương trình tích hợp được sắp xếp vào cùng lớp học, sĩ số lớp không quá 35 học sinh/lớp (*phụ lục 3b*).

¹ Theo Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn TPHCM giai đoạn 2019 - 2025.

² Từ năm học 2015-2016: đã thực hiện tại 02 trường tiểu học Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thị Nuôi.

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

1. Yêu cầu và nguyên tắc

- Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học tại các trường trên địa bàn huyện được xét tuyển vào học lớp 6 theo địa bàn cư trú do Ban Chỉ đạo Công tác tuyển sinh huyện quy định. Ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn.

- Điều kiện dự tuyển sinh theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phân bổ hợp lý học sinh khuyết tật học hòa nhập.

2. Số liệu tuyển sinh: chỉ tiêu cụ thể và phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú (*Phụ lục 5, 9*).

3. Thời gian tuyển sinh: giao, nhận, xét duyệt hồ sơ, công bố kết quả.

- **Từ ngày 14/6 đến ngày 30/6/2021:** các trường tiểu học sắp xếp hồ sơ học sinh lớp 5 căn cứ vào bảng phân tuyến tuyển sinh theo địa bàn cư trú.

- **Từ ngày 01/7 đến ngày 06/7/2021:** Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức 01 buổi bàn giao hồ sơ học sinh đồng loạt giữa các trường tiểu học và trung học cơ sở.

- **Từ ngày 08/7 đến ngày 14/7/2021:** hội đồng Tuyển sinh các trường trung học cơ sở xét duyệt hồ sơ.

- **Ngày 16/7/2021:** các trường trung học cơ sở đồng loạt công bố kết quả tuyển sinh.

- Hồ sơ nhập học gồm:

+ Đơn xin nhập học (theo mẫu của trường), bản chính học bạ cấp tiểu học;

+ Bản sao giấy khai sinh (sao y bản chính), bản sao hộ khẩu (hoặc tạm trú có sổ).

4. Tuyển sinh vào lớp 6 trường trung học cơ sở Nguyễn An Khương - trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế.

Việc tuyển sinh trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 08 lớp (mỗi lớp không quá 35 học sinh).

b) Điều kiện:

- *Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có điểm kiểm tra học kỳ II môn Toán và Tiếng Việt từ 9 điểm trở lên, có chứng chỉ Cambridge Flyer 10/15 khiên trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 có từ 3/5 huy hiệu trở lên ở mỗi kỹ năng* được xét tuyển vào học lớp 6 trường trung học cơ sở Nguyễn An Khương theo đề án trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế (xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu). Riêng học sinh *đạt giải cấp Quốc gia và Quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ... do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc đồng tổ*

chức, giải quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Sở Giáo dục và đào tạo cử đi thi sẽ được xét tuyển thẳng vào trường.

c) Thời gian tuyển sinh

- **Từ ngày 01/7 đến ngày 06/7/2021:** học sinh nộp đơn và ***đăng ký trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh lớp 6*** trường THCS Nguyễn An Khương theo đề án trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại trường tiểu học nơi đang theo học.

- **Ngày 07/7/2021:** các trường tiểu học chuyển hồ sơ dự tuyển gồm phiếu đăng ký, bản chính học bạ đến trường trung học cơ sở Nguyễn An Khương.

- **Ngày 07/7 đến ngày 09/7/2021:** Hội đồng tuyển sinh trường trung học cơ sở Nguyễn An Khương xét tuyển, lập danh sách gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định và duyệt kết quả.

- **Ngày 12/7/2021:** công bố danh sách tại trường trung học cơ sở Nguyễn An Khương.

5. Tuyển sinh lớp 6 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

Tiếp tục mở rộng thực hiện tại trường trung học cơ sở Nguyễn An Khương và trung học cơ sở **Trung Mỹ Tây 1** theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 838-QĐ-GDDT-VP ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt danh sách các trường tiểu học, trung học cơ sở triển khai Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” từ năm học 2016-2017 (*phụ lục 6b*).

a) Chi tiêu tuyển sinh: **mỗi trường 02 lớp** (mỗi lớp không quá 35 học sinh).

Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

b) Điều kiện: học sinh tham gia chương trình tích hợp thỏa một trong các yêu cầu về tiếng Anh sau đây:

- ***Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo Chương trình Tiếng Anh tích hợp.***

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ năng lực tiếng Anh thỏa một trong các điều kiện sau đây:

* Theo hệ thống Pearson English: học sinh phải có chứng chỉ PTE cấp độ Quickmarch (Pass - số sao tối thiểu 3/5 sao).

* Theo hệ thống Cambridge English: học sinh phải có chứng chỉ Flyer (số khiên tối thiểu 12/15 khiên).

* Theo hệ thống ETS: học sinh phải có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/5 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2, 3 badges)

hoặc học sinh phải hoàn thành bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

Lưu ý: Nếu số lượng đăng ký hơn chỉ tiêu của mỗi trường, thực hiện xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu (ưu tiên học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo Chương trình Tiếng Anh tích hợp)

c) Thời gian tuyển sinh

- **Từ ngày 01/7 đến ngày 09/7/2021:** học sinh trực tiếp đăng ký vào học lớp 6 theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại trường trung học cơ sở Nguyễn An Khương và trung học cơ sở Trung Mỹ Tây 1.

Hồ sơ dự tuyển theo phiếu đăng ký gồm: phiếu đăng ký, bản chính học bạ, các chứng chỉ tiếng Anh nêu trên (nếu có).

- **Ngày 12/7/2021:** công bố danh sách tại trường trung học cơ sở Nguyễn An Khương và trung học cơ sở Trung Mỹ Tây 1.

6. Tuyển sinh vào các lớp 6 tăng cường tiếng Anh

Tiếp tục tuyển sinh tiếng Anh tăng cường tại 3 trường trung học cơ sở (Nguyễn Hồng Đào, Tô Ký, Tân Xuân).

- Việc tuyển sinh dựa trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện.

- Đối tượng: những học sinh thuộc lộ trình A đã được công nhận đạt yêu cầu cấp tiểu học của chương trình và có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 06 điểm trở lên hoặc học sinh không theo lộ trình A nhưng có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2, Flyer có nhu cầu theo học.

- Căn cứ chỉ tiêu được giao và tổng điểm các kỹ năng, tiến hành xét tuyển từ điểm cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu (*phụ lục 6a*).

IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2021 – 2022.

V. TUYỂN SINH VÀO TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện (*phụ lục 8*).

Căn cứ xét tuyển: điểm tốt nghiệp trung học cơ sở, điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở, điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên.

VI. TUYỂN SINH VÀO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP – HỆ SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ

Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học tại trường Trung cấp Bách Nghệ TP. Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện Hóc Môn hoặc các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề khác theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định (*phụ lục 7*).

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp của huyện để chỉ đạo và kiểm tra công tác tuyển sinh của các xã - thị trấn và các trường trên địa bàn huyện.

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các văn bản về công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp và tổ chức thi tuyển vào lớp 10 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai thực hiện kế hoạch và phổ biến đến Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường Trung cấp Bách Nghệ TP. Hồ Chí Minh, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên để có kế hoạch thực hiện.

Thành lập Hội đồng tuyển sinh ở các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở để thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp.

Hướng dẫn các trường tổ chức xét duyệt kết quả huy động trẻ đến trường và tuyển sinh các lớp đầu cấp.

Chỉ đạo các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện các nội dung sau:

- Hướng dẫn nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh của trường³.
- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ đến trường và kế hoạch tuyển sinh của nhà trường; thực hiện tổ chức xét duyệt danh sách huy động trẻ và tuyển sinh các lớp đầu cấp theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.
- Giới thiệu, tạo điều kiện để phụ huynh và học sinh tìm hiểu về nhà trường.
- Kiểm tra và cập nhật đầy đủ danh sách học sinh đầu cấp và cuối cấp trên hệ thống thông tin quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Công an huyện

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đúng các nội dung đăng ký, quản lý cư trú tại địa bàn các xã - thị trấn. Chỉ đạo lực lượng công an các xã - thị

³ Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

trần thực hiện nghiêm việc ký nhận đăng ký lưu trú, không để xảy ra trường hợp xác nhận lưu trú không đúng thực tế.

Xử lý nghiêm cán bộ thực hiện xác nhận lưu trú không đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn

Thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh của xã - thị trấn để thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch. Điều tra, nắm chính xác số trẻ sinh năm 2015 và 2016; xác nhận chính xác tình trạng, địa bàn cư trú để phục vụ tốt cho công tác huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp.

Xây dựng kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022 trên địa bàn.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn (phụ trách Văn hoá - xã hội) cam kết và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện nếu phát sinh tình trạng vượt số trẻ sinh năm 2015 và 2016 đã xác nhận.

Chỉ đạo công an địa phương thực hiện nghiêm việc ký nhận đăng ký lưu trú, không để xảy ra trường hợp xác nhận lưu trú không đúng thực tế.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các ban ngành, đoàn thể huyện, Đài Truyền thanh huyện

Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến cán bộ, hội viên và Nhân dân trên địa bàn huyện về thực trạng trường lớp trên địa bàn huyện, kế hoạch huy động trẻ đến trường và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021-2022 nhằm tạo đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân.

Tập trung tuyên truyền, thông báo ngày tiếp nhận hồ sơ, ngày đưa trẻ đến trường, lớp để phụ huynh biết và thực hiện đúng thời gian quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022 đảm bảo đúng quy định.

Kế hoạch này thay Kế hoạch số 2798/KH-UBND ngày 26/5/2021 của UBND huyện về Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021 - 2022; đề nghị các phòng ban, đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc./. 

Nơi nhận: 

- UBND/TP;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TT. Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- TT.UBND huyện: CT, PCT/KT-VX;
- Các Ban Huyện ủy, UBKTHU, VPHU;
- Các đơn vị được phân công;
- Đảng ủy các xã - thị trấn (để phối hợp)
- VP.HĐND-UBND huyện: CVP, PVP/VX, CV-Thắng;
- Lưu: VT, Linh. 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thanh Hòa

Phụ lục 1: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng nhóm trẻ, lớp mầm, chồi và lá _ Năm học 2021-2022

STT	Xã - thị trấn	Tên trường MG, MN	Tổng số lớp học	Nhà trẻ		Trong đó: Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Lớp Mầm		Lớp Chồi		Lớp Lá		Bình quân số HS/lớp/ lá	Tổng số HS NH 20 - 21	TS HS khối lá các trường trong xã	TS HS 5 tuổi theo thống kê
				Số nhóm	Số trẻ	số nhóm	số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		(15)	(16)	(17)
1	Thị Trấn	MN Bé Ngoan	16	5	120	1	20	4	120	3	105	4	140	35	485	470	289
		MN 23/11	14	3	70	0	0	3	100	4	140	4	140	35	450		
		MN Bé Ngoan 1	14	3	75	0	0	3	90	4	140	4	160	40	465		
		02 nhóm, lớp ĐLTT (01 NT, 01 LMG)	6	3	55	1	15	1	20	1	20	1	30	30	125		
2	Đồng Thạnh	MN Sơn Ca	17	1	25	0	0	4	120	5	190	7	245	35	580	864	864
		MNTT Hòa Bình	4	1	25	0	0	1	25	1	30	1	35	35	115		
		MNTT Bò Cầu Trắng	9	0	0	0	0	2	80	4	160	3	105	35	345		
		42 nhóm, lớp ĐLTT (02 NT, 40 LMG)	85	1	20	0	0	29	709	37	723	18	479	27	1,931		
3	Nhị Bình	MN Sơn Ca 3	11	1	25	0	0	3	75	3	102	4	120	30	322	167	167
		05 nhóm, lớp ĐLTT (05 LMG)	10	0	0	0	0	4	106	4	75	2	47	24	228		
4	Tân Hiệp	MN Tân Hiệp	11	2	45	0	0	2	60	3	120	4	148	37	373	418	418
		MN Tân Hòa	15	3	70	0	0	3	105	4	140	5	190	38	505		
		10 Nhóm, lớp ĐLTT (03 NT, 07 LMG)	17	3	115	0	0	7	145	5	175	2	80	40	515		
5	Tân Thới Nhì	MN Hướng Dương	20	5	110	1	15	4	100	5	150	6	210	35	570	350	403
		07 Nhóm, lớp ĐLTT (02 NT, 05 LMG)	19	3	60	0	0	6	115	6	170	4	140	35	485		
6	Tân Xuân	MN Tân Xuân	18	4	94	1	20	4	104	5	150	5	184	37	532	544	411
		MN Mỹ Hòa	12	3	60	0	0	2	60	3	90	4	140	35	350		
		MNTT Minh Đức	8	2	40	0	0	2	60	2	55	2	70	35	225		
		09 Nhóm, lớp ĐLTT (09 LMG)	22	0	0	0	0	8	155	9	230	5	150	30	535		
		MN Bông Sen	18	3	105	0	0	4	120	5	175	6	240	40	640		

STT	Xã - thị trấn	Tên trường MG, MN	Tổng số lớp học	Nhà trẻ		Trong đó: Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Lớp Mầm		Lớp Chồi		Lớp Lá		Bình quân số HS/lớp/lá	Tổng số HS NH 20 - 21	TS HS khối lá các trường trong xã	TS HS 5 tuổi theo thống kê
				Số nhóm	Số trẻ	số nhóm	số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		(15)	(16)	(17)
7	Thới Tam Thôn	MN 2/9	20	3	70	0	0	5	130	6	210	6	240	40	650	1040	1430
		36 Nhóm, lớp ĐLTT (01 NT, 35 LMG)	70	0	0	0	0	26	488	28	605	16	560	35	1,653		
8	Bà Điểm	MN Bà Điểm	13	2	70	0	0	3	110	4	170	4	160	40	510	861	1264
		MNTT Khai Trí	9	3	60	0	0	2	70	2	70	2	70	35	270		
		40 Nhóm, lớp ĐLTT (03 NT, 37 LMG)	102	5	130	1	15	35	784	37	837	25	631	25	2,382		
9	Trung Chánh	MG Bông Sen I	9	0	0	0	0	3	40	3	90	3	105	35	235	723	579
		MNTT Sao Mai	20	2	90	0	0	5	225	7	210	6	240	40	765		
		MNTT Toàn Mỹ	6	0	0	0	0	2	70	2	70	2	78	39	218		
		13 Nhóm, lớp ĐLTT (01 NT, 12 LMG)	33	1	30	0	0	11	190	11	220	10	300	30	740		
10	Xuân Thới Đông	MN Xuân Thới Đông	19	5	130	1	10	4	140	4	160	6	210	35	640	546	158
		MNTT Rạng Đông	18	2	70	0	0	6	240	5	200	5	200	40	710		
		16 Nhóm, lớp ĐLTT (05 NT, 11 LMG)	30	8	152	0	0	9	196	8	217	5	136	27	701		
11	Xuân Thới Sơn	MN Nhị Xuân	12	2	45	1	20	2	50	3	90	5	175	35	360	485	485
		MN 19/8	20	4	85	1	15	5	140	5	175	6	185	31	585		
		16 Nhóm, lớp ĐLTT (05 NT, 11 LMG)	35	3	72	0	0	14	340	13	360	5	125	25	897		
12	Xuân Thới Thượng	MN Bé Ngoan 3	19	5	150	1	15	4	140	5	200	5	175	35	665	741	741
		MN Xuân Thới Thượng	15	3	75	0	0	4	110	4	130	4	140	35	455		
		MNTT Thiên Đức	15	2	40	0	0	3	75	5	150	5	175	35	440		

Phụ lục 2

TIỂU HỌC

Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã – thị trấn, trường tiểu học - Năm học 2021 - 2022

Tên trường TiH	Tên xã – thị trấn	Tổng số phòng học của trường	Số HS Lớp 5 (Năm học 2020-2021)	Số liệu tuyển sinh năm học 2021 - 2022											Số liệu tuyển sinh so với năm học 2020 – 2021		
				Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận								
				Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng	Tổng số lớp	số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường T. Anh	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Số Lớp	Số HS	Tăng (+)/ Giảm (-)
Nguyễn An Ninh	TT	48	372	283	0	283	7	40	0	7	6	2	7	283	11	448	-85
Bùi Văn Ngừ	BĐ	57	285	594	0	594	12	50	0	12	4	0	12	594	14	605	31
Tây Bắc Lân	BĐ	59	598	679	0	679	14	49	0	14	6	0	14	679	14	726	-44
Hoàng Hoa Thám	ĐT	66	641	341	195	536	13	41	0	13	0	0	13	536	12	481	64
Thới Thạnh	ĐT	45	177	200	245	445	10	45	0	10	0	0	10	445	4	85	95
Trần Văn Danh	ĐT	56	241	207	137	344	8	43	0	8	0	0	8	344	13	767	-150
Võ Văn Thặng	NB	46	206	143	121	264	7	38	0	7	6	0	7	264	10	504	-4
Cầu Xáng	TH	19	121	94	55	149	4	37	0	4	4	0	4	149	4	119	105
Tân Hiệp	TH	45	83	111	36	147	4	37	0	4	4	0	4	147	5	160	49
Trương Văn Ngải	TH	36	262	204	120	324	8	41	0	8	6	0	8	324	7	322	-62
Lý Chính Thắng 2	TTN	36	225	173	18	191	5	38	0	5	6	0	5	191	6	368	-68
Nhị Tân	TTT	45	75	134	153	287	8	36	0	8	5	0	8	287	7	116	235
Áp Đình	TX	45	147	345	142	487	11	44	0	11	8	0	11	487	5	223	3
Mỹ Hòa	TX	30	229	147	196	343	8	43	0	8	7	0	8	343	6	479	-36
Tam Đông	TTT	35	220	269	60	329	7	47	0	7	6	0	7	329	9	630	1
Tam Đông 2	TTT	49	333	387	137	524	11	48	0	11	0	0	11	525	10	709	77
Thới Tam	TTT	37	320	289	40	329	8	41	0	8	6	0	8	329	8	530	-15

Tên trường TiH	Tên xã – thị trấn	Tổng số phòng học của trường	Số HS Lớp 5 (Năm học 2020-2021)	Số liệu tuyển sinh năm học 2021 - 2022												Số liệu tuyển sinh so với năm học 2020 – 2021		
				Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận									
				Thường trú	Tạm trú	Tổng cộng	Tổng số lớp	số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường T. Anh	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Số Lớp	Số HS	Tăng (+)/ Giảm (-)	
Nguyễn Thị Nuôi	TTT	45	323	205	47	252	6	42	0	6	6	2	6	252	11	172	-97	
Mỹ Huệ	TC	24	167	166	41	207	5	41	0	5	6	0	5	207	6	547	11	
Nam Kỳ Khởi Nghĩa	TC	18	169	194	62	256	6	43	0	6	0	0	6	256	4	416	-5	
Tân Xuân	XTĐ	34	314	314	41	355	8	44	0	8	6	0	8	355	10	142	52	
Trần Văn Mười	XTĐ	49	365	386	95	481	10	48	0	10	0	0	10	481	10	151	-131	
Dương Công Khi	XTS	52	389	400	0	400	9	44	0	9	0	0	9	400	12	270	-25	
Nhị Xuân	XTS	45	147	61	375	436	10	44	0	10	0	0	10	436	4	216	-16	
Ngã Ba Giồng	XTT	45	274	345	0	345	8	43	0	8	0	0	8	345	12	252	-92	
Xuân Thới Thượng	XTT	44	458	378	252	630	14	45	0	14	0	0	14	630	12	211	283	
Tổng cộng		1.110	7.141	7.049	2.568	9.617	221	44	0	221	92	4	221	9.617	226	9.649	176	

Lưu ý: Đối với các trường tiểu học thuộc địa bàn xã Tân Hiệp và Tân Thới Nhì: nhận trẻ vào lớp 1 theo địa bàn phân tuyến và trẻ trên địa bàn khác xã thuộc huyện.

Phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp tăng cường ngoại ngữ trường tiểu học - Năm học 2021 - 2022



Trường tiểu học	Loại hình (Công lập/ Ngoài công lập)	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
Nguyễn An Ninh	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Bùi Văn Ngừ	Công lập	4	140	35	Tiếng Anh
Tây Bắc Lân	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Võ Văn Thặng	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Cầu Xáng	Công lập	4	140	35	Tiếng Anh
Tân Hiệp	Công lập	4	140	35	Tiếng Anh
Trương Văn Ngải	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Lý Chính Thắng 2	Công lập	5	175	35	Tiếng Anh
Nhị Tân	Công lập	5	175	35	Tiếng Anh
Áp Đình	Công lập	8	280	35	Tiếng Anh
Mỹ Hòa	Công lập	7	245	35	Tiếng Anh
Tam Đông	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Thới Tam	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Nuôi	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Mỹ Huê	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Tân Xuân	Công lập	6	210	35	Tiếng Anh
Tổng cộng		91	3185	560	

Phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” trường tiểu học - Năm học 2021 - 2022

Trường tiểu học	Loại hình (Công lập/ Ngoài công lập)	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
Nguyễn An Ninh	Công lập	2	70	35	
Nguyễn Thị Nuôi	Công lập	2	70	35	
Tổng cộng		4	140	35	

Phụ lục 4: Bảng phân tuyển học sinh vào các trường tiểu học năm học 2021 - 2022

STT	Xã, thị trấn	Trường tiểu học	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Sĩ số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có số trước 01/01/2020	Lưu trú và TT có số sau 01/01/2020			
1	Xuân Thới Thượng	Xuân Thới Thượng	0	14	xã Xuân Thới Thượng			630	45	
					Ấp 2	123	87			
					Ấp 3	132	165			
					Ấp 7	123				Lưu trú về Trần Văn Mười
2	Xuân Thới Thượng	Ngã Ba Giồng	0	8	xã Xuân Thới Thượng			345	43	
					Ấp 1	129				Lưu trú về Nhị Xuân
					Ấp 4	101				Lưu trú về Nhị Xuân
					Ấp 5	115				Lưu trú về Nhị Xuân
3	Xuân Thới Sơn	Nhị Xuân	0	10	xã Xuân Thới Sơn			436	44	
					Ấp 4		55			Thường trú về Dương Công Khi
					Ấp 5	35	116			
					xã Xuân Thới Thượng					
					Ấp 1		94			Thường trú về Ngã Ba Giồng
					Ấp 4		57			Thường trú về Ngã Ba Giồng
					Ấp 5		46			Thường trú về Ngã Ba Giồng
					Ấp 6	26	7			
4	Xuân Thới Sơn	Dương Công Khi	0	9	xã Xuân Thới Sơn			400	44	
					Ấp 1	43				Lưu trú về Nhị Tân
					Ấp 2	70				Lưu trú về Nhị Tân
					Ấp 3	107				Lưu trú về Nhị Tân
					Ấp 4	108				Lưu trú về Nhị Xuân
					Ấp 6	72				Lưu trú về Nhị Tân
5	Xuân Thới Đông	Trần Văn Mười		10	xã Xuân Thới Đông			481	48	
					ấp Xuân Thới Đông 1	123	16			
					ấp Xuân Thới Đông 2	130				Lưu trú về Mỹ Hòa
					ấp Xuân Thới Đông 3	133	17			
					xã Xuân Thới Thượng					
					Ấp 7		62			Thường trú về Xuân Thới Thượng

6	Xuân Thới Đông	Tân Xuân	8	xã Xuân Thới Đông			355	44		
				ấp Tân Tiến	117				Lưu trú về Mỹ Hòa	
				ấp Mỹ Hòa 2	30				Lưu trú về Mỹ Hòa	
				ấp Mỹ Hòa 4.	69	4				
				ấp Bắc Lân	98	21				
				ấp Đông Lân		6			Thường trú về Tây Bắc Lân	
				ấp Đông Lân 1		1			Thường trú về Tây Bắc Lân	
				ấp Tây Lân		4			Thường trú về Bùi Văn Ngừ	
				ấp Hậu Lân		4			Thường trú về Tây Bắc Lân	
				ấp Hưng Lân.		1			Thường trú về Tây Bắc Lân	
7	Tân Thới Nhì	Lý Chính Thắng 2	5	xã Tân Thới Nhì			191	38		
				Nhị Tân	41	4				
				ấp Thống Nhất 2	67	6				
				ấp Dân Thắng 1	30	2				
				ấp Dân Thắng 2	35	6				
8		Tân Thới Nhì	Nhị Tân	8	xã Tân Thới Nhì:			287	36	
					ấp Thống Nhất 1	38	6			
					ấp Nhị Tân 1	43	4			
					ấp Nhị Tân 2	18	1			
					ấp Tân Lập	35	3			
					xã Xuân Thới Sơn					
					Ấp 1		13			Thường trú về Dương Công Khi
					Ấp 2		37			Thường trú về Dương Công Khi
					Ấp 3		57			Thường trú về Dương Công Khi
Ấp 6			32	Thường trú về Dương Công Khi						
9	Tân Hiệp		Tân Hiệp	4	xã Tân Hiệp			147	37	
					ấp Tân Thới 3	61	11			
					ấp Thới Tây 1	50	25			
10			Tân Hiệp	Trương Văn Ngải	8	xã Tân Hiệp			324	41
		ấp Tân Thới 1				79	21			
		ấp Tân Thới 2.				94	25			
		ấp Tân Hòa				31		Lưu trú về Cầu Xáng		
		Thị trấn								
		Khu phố 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8					74	Thường trú về Nguyễn An Ninh		

11		Cầu Xáng		4	<i>xã Tân Hiệp:</i>			149	37	
					ấp Thới Tây 2	94	30			
					ấp Tân Hòa.		25			Thường trú về Trương Văn Ngải
12	Thị Trấn	Nguyễn An Ninh		7	<i>thị trấn Hóc Môn</i>			283	40	
					Khu phố 1	58				Lưu trú về Trương Văn Ngải
					Khu phố 2	47				Lưu trú về Trương Văn Ngải
					Khu phố 3	35				Lưu trú về Trương Văn Ngải
					Khu phố 4	41				Lưu trú về Trương Văn Ngải
					Khu phố 5	3				Lưu trú về Trương Văn Ngải
					Khu phố 6	30				Lưu trú về Trương Văn Ngải
					Khu phố 7	21				Lưu trú về Trương Văn Ngải
					Khu phố 8	48				Lưu trú về Trương Văn Ngải
13	Tân Xuân	Ấp Đình		11	<i>xã Tân Xuân</i>			487	44	
					ấp Đình	66	30			
					ấp Chánh 1	55	26			
					<i>xã Trung Chánh</i>					
					ấp Mới 2	61	24			
					<i>xã Thới Tam Thôn</i>					
					ấp Tam Đông	163	62			
14		Mỹ Hòa		8	<i>xã Tân Xuân</i>			343	43	
					ấp Chánh 2	57	38			
					ấp Mới 1	43	23			
					ấp Mỹ Hòa 3	47	16			
					<i>xã Trung Chánh</i>					
					ấp Mỹ Hòa 1		31			Thường trú về Mỹ Huệ
					ấp Mỹ Huệ		36			Thường trú về Mỹ Huệ
					ấp Trung Mỹ Tây		28			Thường trú về Mỹ Huệ
					<i>xã Xuân Thới Đông</i>					
					ấp Tân Tiến		8			Thường trú về Tân Xuân
ấp Mỹ Hòa 2		1	Thường trú về Tân Xuân							
ấp Xuân Thới Đông 2		15	Thường trú về Trần Văn Mười							

15	<i>Thới Tam Thôn</i>	Tam Đông		7	<i>xã Thới Tam Thôn</i>			329	47	
					ấp Tam Đông 2	128	16			
					ấp Đông 1	141	44			
16		Tam Đông 2		11	<i>xã Thới Tam Thôn</i>			524	48	
					ấp Trung Đông	85	22			
					ấp Trung Đông 1	81	7			
					ấp Trung Đông 2	103	5			
					ấp Thới Tứ		40			Thường trú về Thới Tam
					ấp Thới Tứ 1		16			Thường trú về Thới Tam
					ấp Thới Tứ 2		15			Thường trú về Thới Tam
					ấp Tam Đông 3	118	32			
17		Thới Tam		8	<i>xã Thới Tam Thôn</i>			329	41	
					ấp Nam Thới	88	40			
					ấp Thới Tứ	78				Lưu trú về Tam Đông 2
					ấp Thới Tứ 1	68				Lưu trú về Tam Đông 2
					ấp Thới Tứ 2	55				Lưu trú về Tam Đông 2
18		Nguyễn Thị Nuôi		6	<i>xã Thới Tam Thôn</i>			252	42	
					ấp Đông	150	26			
					ấp Tam Đông 1	55	21			
19	<i>Đông Thạnh</i>	Thới Thạnh (Cơ sở mới)		10	<i>xã Đông Thạnh</i>			445	45	
					Ấp 3	94				Lưu trú về Võ Văn Thặng
					Ấp 4	106				Lưu trú về Võ Văn Thặng
					Ấp 5		245			Thường trú về Hoàng Hoa Thám
20		Hoàng Hoa Thám		13	<i>xã Đông Thạnh</i>			536	41	
					Ấp 6	109	85			
					Ấp 5	171				Lưu trú về Thới Thạnh
					Ấp 7	61	110			
21		Trần Văn Danh		8	<i>xã Đông Thạnh</i>			344	43	
					Ấp 1	92	38			
					Ấp 2	115	99			
22	<i>Nhị Bình</i>	Võ Văn Thặng		7	<i>xã Nhị Bình</i>			264	38	
					Ấp 1	43	2			
					Ấp 2	39	3			
					Ấp 3	32	1			
					Ấp 4	29	5			
					<i>xã Đông Thạnh</i>					
					Ấp 3		46			Thường trú về Thới Thạnh
					Ấp 4		64			Thường trú về Thới Thạnh

23	Trung Chánh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa		6	xã Trung Chánh			256	43	
				ấp Vạn Hạnh	79		Lưu trú về Mỹ Huệ			
				ấp Trung Chánh 1	59	39				
				ấp Trung Chánh 2	56	23				
24		Mỹ Huệ		5	xã Trung Chánh			207	41	
					ấp Trung Mỹ Tây	51				Lưu trú về Mỹ Hòa
					ấp Mỹ Huệ	59				Lưu trú về Mỹ Hòa
					ấp Mỹ Hòa 1	56				Lưu trú về Mỹ Hòa
					ấp Vạn Hạnh		30			Thường trú về Nam Kỳ Khởi Nghĩa
					xã Bà Điểm					
					ấp Nam Lân		0			
					ấp Tiền Lân		2			Thường trú về Bùi Văn Ngự
					ấp Tiền Lân 1		4			Thường trú về Bùi Văn Ngự
ấp Trung Lân		5	Thường trú về Bùi Văn Ngự							
25	Bà Điểm	Bùi Văn Ngự	12	xã Bà Điểm			594	50		
				ấp Tiền Lân	224				Lưu trú về Mỹ Huệ	
				ấp Tiền Lân 1	122				Lưu trú về Mỹ Huệ	
				ấp Trung Lân	130				Lưu trú về Mỹ Huệ	
				ấp Tây Lân.	118				Lưu trú về Tân Xuân	
26	Bà Điểm	Tây Bắc Lân	14	xã Bà Điểm			679	49		
				ấp Nam Lân	142				Lưu trú về Mỹ Huệ	
				ấp Hưng Lân.	104				Lưu trú về Tân Xuân	
				ấp Đông Lân	134				Lưu trú về Tân Xuân	
				ấp Đông Lân 1	119				Lưu trú về Tân Xuân	
				ấp Hậu Lân	180				Lưu trú về Tân Xuân	
Tổng cộng			0	221	0	7,049	2,568	9,617	44	



TRUNG HỌC CƠ SỞ

Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã – thị trấn, trường trung học cơ sở - Năm học 2021 - 2022

 Trường THCS	Tên xã – thị trấn	Số phòng học	Số học sinh lớp 9 ra trường (Năm học 2020 – 2021)	Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học (Năm học 2020- 2021)	Số liệu tuyển sinh năm học 2021 - 2022							Số liệu tuyển sinh so với năm học 2020- 2021)		
					Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							
					Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp							
							Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Số Lớp	Số HS	Tăng (+)/ Giảm (-)
Đặng Công Bình	NB	50	279	302	8	38	0	8	0	0		10	451	-149
Đỗ Văn Dậy	TH	41	382	465	11	42	0	12	0	0	12	12	561	-96
Đông Thạnh	ĐT	53	777	592	14	42	17	0	0	0		14	651	-59
Đặng Thúc Vịnh	ĐT	45	0	422	10	42	0	10	0	0		14	578	-156
Lý Chính Thắng 1	TTN	29	394	353	8	44	8	0	0	0		10	445	-92
Nguyễn An Khương	TT	39	319	280	8	35	0	10	0	2	10	9	280	0
Nguyễn Hồng Đào	XTS	30	539	322	7	46	2	6	2	0	6	10	410	-88
Phan Công Hớn	BĐ	28	725	506	12	42	16	0	0	0		13	628	-122
Bà Điểm	BĐ	18	0	392	9	44	0	9	0	0		0	0	0
Tam Đông 1	TTT	32	443	466	10	47	10	0	0	0		11	590	-124
Tân Xuân	XTĐ	38	487	505	12	42	10	2	2	0		16	682	-177
Thị Trấn	TT	9	135	225	5	45	5	0	0	0		4	227	-2
Tô Ký	TX	30	612	589	13	45	14	0	2	0		18	790	-201
Trung Mỹ Tây 1	TC	52	514	629	15	42	10	5	0	2		22	996	-367
Xuân Thới Thượng	XTT	42	714	395	10	40	16	0	0	0		17	732	-337
Nguyễn Văn Bứa	XTT	45	0	692	17	41	0	17	0	0		17	842	-150
Tổng cộng		581	6.320	7.135	169	42	108	79	6	4	28	197	8.861	-2.120



Phụ lục 6a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp tăng cường ngoại ngữ trường trung học cơ sở năm học 2021 - 2022

Trường trung học cơ sở	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
THCS Nguyễn Hồng Đào	2	70	35	Tiếng Anh
THCS Tô Ký	2	70	35	Tiếng Anh
THCS Tân Xuân	2	70	35	Tiếng Anh
Tổng số	6	210	35	Tiếng Anh

Phụ lục 6b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” trường trung học cơ sở năm học 2021 - 2022

Trường trung học cơ sở	Loại hình (Công lập/ Ngoài công lập)	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
THCS Nguyễn An Khương	Công lập	02	70	35	
THCS Trung Mỹ Tây 1	Công Lập	02	70	35	
Tổng số		04	140	35	

Phụ lục 7: Bảng số liệu chỉ tiêu huy động học sinh vào các trường trung cấp chuyên nghiệp năm học 2021 - 2022

Trường	Số lượng học sinh huy động vào trường trung cấp chuyên nghiệp	Ghi chú
Trung cấp Bách Nghệ TPHCM	1000	
Tổng số	1000	

Phụ lục 8: Bảng số liệu chỉ tiêu Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện năm học 2021 - 2022

TT GDNN - GDTX Hóc Môn	Số lớp	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
TT GDNN - GDTX Hóc Môn	10	450	45	
Tổng số	10	450	45	



Phụ lục 9: Bảng phân tuyển học sinh vào các trường THCS năm 2021 - 2022

STT	Xã, thị trấn	Trường THCS	Khả năng nhận		Nhận học sinh thuộc các địa bàn	Dự kiến số HS		Tổng số HS	Sĩ số HS/Lớp	Lý giải các ô trống và tô màu đen
			Số lớp 1 buổi	Số lớp 2 buổi		Thường trú và TT có sổ trước 01/01/2020	Lưu trú và TT có sổ sau 01/01/2020			
1	Xuân Thới Thượng	Xuân Thới Thượng	10	0	xã Xuân Thới Thượng			395	40	Lưu trú về Nguyễn Văn Búra
					Ấp 2	68				
					Ấp 3	87				
					Ấp 4	85				
					Ấp 5	84				
					Ấp 7	71				
		Nguyễn Văn Búra	17	0	xã Xuân Thới Thượng			692	41	Thường trú về Nguyễn Hồng Đào
					Ấp 1	90	57			Thường trú về Xuân Thới Thượng
					Ấp 2		61			
					Ấp 3		75			Thường trú về Xuân Thới Thượng
					Ấp 4		62			
					Ấp 5		41			Thường trú về Xuân Thới Thượng
					Ấp 6	19	14			
					Ấp 7		71			Thường trú về Nguyễn Hồng Đào
					xã Xuân Thới Sơn					
					Ấp 3		43			Thường trú về Nguyễn Hồng Đào
					Ấp 4		39			
					Ấp 5	30	90			
3	Xuân Thới Sơn	Nguyễn Hồng Đào	0	7	xã Xuân Thới Sơn			322	46	
					Ấp 1	25	9			
					Ấp 2	36	22			
					Ấp 3	64				Lưu trú về Nguyễn Văn Búra
					Ấp 4	51				Lưu trú về Nguyễn Văn Búra
					Ấp 6	66	49			

4	Xuân Thới Đông	Tân Xuân	2	10	Xuân Thới Đông			505	42	
					ấp Xuân Thới Đông 1	61	50			
					ấp Xuân Thới Đông 2	71	28			
					ấp Xuân Thới Đông 3	55	56			
					ấp Mỹ Hòa 2	29	13			
					ấp Mỹ Hòa 4	34	21			
					ấp Tân Tiến	67	20			
5	Tân Thới Nhì	Lý Chính Thắng 1	0	8	xã Tân Thới Nhì			353	44	
					ấp Thông Nhất 1	13	8			
					ấp Thông Nhất 2	46	7			
					ấp Dân Thắng 1	38	14			
					ấp Dân Thắng 2	55	7			
					ấp Nhị Tân	36	18			
					ấp Nhị Tân 1	33	9			
					ấp Nhị Tân 2	17	9			
					ấp Tân Lập	30	13			
6	Tân Hiệp	Đỗ văn dật	0	11	xã Tân Hiệp			465	42	
					ấp Tân Thới 1	33	29			
					ấp Tân Thới 2	58	33			
					ấp Tân Thới 3	46	24			
					ấp Thới Tây 1	46	24			
					ấp Thới Tây 2	78	63			
					ấp Tân Hòa.	19	12			
7	Thị Trấn	Thị Trấn	5	0	thị trấn Hóc Môn			225	45	
					Khu phố 1	39	3			
					Khu phố 2	28	5			
					Khu phố 3	22	2			
					Khu phố 4	30	4			
					Khu phố 5	11	1			
					Khu phố 6	25	5			
					Khu phố 7	14	1			
					Khu phố 8	32	3			

8	<i>Tân Xuân</i>	Tô Ký	13	0	<i>xã Tân Xuân</i>			589	45	
					ấp Đình	54	20			
					ấp Chánh 1	48	41			
					ấp Chánh 2	46	27			
					ấp Mới 1	50	12			
					ấp Mỹ Hòa 3	34	23			
					<i>xã Thới Tam Thôn</i>					
					ấp Tam Đông 1	33	17			
					ấp Tam Đông 2	48	35			
					ấp Nam Thới	79	22			
9	<i>Thới Tam Thôn</i>	Tam Đông 1	10	0	<i>xã Thới Tam Thôn</i>			466	47	
					ấp Trung Đông	43	47			
					ấp Trung Đông 2	40	32			
					ấp Thới Tứ	54	18			
					ấp Thới Tứ 1	40	13			
					ấp Thới Tứ 2	38	12			
					ấp Tam Đông	89	40			
10	<i>Đông Thạnh</i>	Đông Thạnh	14	0	<i>xã Đông Thạnh</i>			592	42	
					Ấp 1	101	39			
					Ấp 2	85	28			
					Ấp 6	112	44			
					Ấp 7	30	68			
					<i>xã Thới Tam Thôn</i>					
					ấp Trung Đông 1	18	12			
					ấp Tam Đông 3	38	17			
		Đặng Thúc Vịnh	0	10	<i>xã Đông Thạnh</i>			422	43	
					Ấp 3	79				Lưu trú về Đặng Công Bình
					Ấp 4	91				Lưu trú về Đặng Công Bình
					Ấp 5	107	145			

11	Nhị Bình	Đặng Công Bình	8	0	xã Nhị Bình			302	38	
					Ấp 1	31	19			
					Ấp 2	25	12			
					Ấp 3	25	11			
					Ấp 4	45	21			
					xã Đông Thạnh					
					Ấp 3		57			Thường trú về Đặng Thúc Vịnh
					Ấp 4		56			Thường trú về Đặng Thúc Vịnh
12	Trung Chánh	Trung Mỹ Tây 1	13	2	xã Trung Chánh			629	42	
					ấp Mới 2	45	19			
					ấp Vạn Hạnh	21	5			
					ấp Mỹ Huê	72	25			
					ấp Trung Mỹ Tây	40	11			
					ấp Mỹ Hòa 1	104	46			
					ấp Trung Chánh 1	45	12			
					ấp Trung Chánh 2	27	14			
					xã Thới Tam Thôn					
					ấp Ấp Đông	50	26			
					ấp Ấp Đông 1	29	38			
13	Bà Điểm	Phan Công Hớn	12	0	xã Bà Điểm			506	42	
					ấp Trung Lân	94	9			
					ấp Đồng Lân	72	9			
					ấp Đồng Lân 1	58	2			
					ấp Hậu Lân	95	9			
					ấp Bắc Lân	64	19			
					ấp Hưng Lân	67	8			
		Bà Điểm	0	9	xã Bà Điểm			392	44	
					ấp Tiên Lân 1	80	10			
					ấp Nam Lân	79	17			
					ấp Tiên Lân	112	3			
					ấp Tây Lân.	83	8			
15	Thị Trấn	Nguyễn An Khương	0	8				280	35	
Tổng cộng			104	65		4562	2293	7135	42	